TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị T với anh S"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tỵ.
2. Bà Lê Thị Thu Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 18/2020/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1992, nơi đăng ký thường trú: Ấp PL, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: Số 416/B đường NM, phường PL, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm: 1988, địa chỉ: Ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng S qua tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thành hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau, vợ chồng làm việc và sinh sống tại thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng về quan điểm sống , anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không còn thương yêu quan tâm chị dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra , anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không

thành. Từ tháng 12/2019 đến nay, chị thuê nhà sống riêng, chị và anh S không ai quan tâm gì đến ai . Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn , mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh S.

Trong thời gian chung sống, chị và anh S có một con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày: 06/5/2017, hiện tại đang sống cùng với chị. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu B. Hiện tại, chị làm công việc là nhân viên bán hàng, thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, chị đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

Chị và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Hồng S trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị T về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và trong cách chăm sóc con. Từ tháng 12/2019, chị T thuê nhà sống riêng nhưng do còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung như chị T trình bày. Mặc dù, hiện tại con chung đang sống cùng với chị T nhưng do tính chất công việc, chị T không có nhiều thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con nên anh yêu cầu được nuôi con. Hiện tại, anh làm công việc là nhân viên kinh doanh, thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, anh đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cụ thể:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hồng S.

- Về con chung: Chị T được quyền nuôi con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày: 06/5/2017, anh S không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với

anh Nguyễn Hồng S có nơi cư trú tại ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hồng S chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/02/2017 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh S được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng giữa chị và anh S có sự khác biệt về quan điểm sống, anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không thương yêu quan tâm chị nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh S sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Anh S cho rằng giữa anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, về cách chăm sóc con nhưng chưa đến mức trầm trọng. Anh S muốn chị T cho anh thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ vì anh còn thương chị T, muốn con có đủ tình thương của cha mẹ nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị T cương quyết xin ly hôn với anh S. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh S không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh S.

[3] Về con chung: Chị T và anh S có một con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày: 06/5/2017. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc B, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con. Anh S không đồng ý với yêu cầu của chị T, anh cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của chị T và anh S thì anh chị đều có thu nhập ổn định, cả chị T và anh S đều có mong muốn được nuôi con nhưng con sống cùng với chị T từ khi chị và anh S ly thân cho đến nay, chị T cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con. Bên cạnh đó, cháu B là cháu gái nên sống cùng với mẹ sẽ được chăm sóc đảm bảo hơn. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của cháu B được ổn định nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con là Nguyễn Ngọc B cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh S trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hồng S.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hồng S có một con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày: 06/5/2017.

Chị Lê Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc B.

Ghi nhận chị Lê Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Hồng S cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Hồng S có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Hồng S lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Lê Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Hồng S.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hồng S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010329 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã AD;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân